

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH KON TUM

Bản án số: 09/2017/HS-PT

Ngày: 25/7/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lang

-Các Thẩm phán:

1, Ông Trần Năm

2, Bà Lê Thúy Cầu.

-Thư ký toà án ghi biên bản phiên tòa :

Bà Đồng Thị Hương - Cán bộ TAND tỉnh Kon Tum.

-Đại diện VKSND tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HS-PT ngày 06/6/2017 đối với các bị cáo H và D. Do có kháng cáo của các bị cáo H và D đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2017/HS-ST ngày 28/4/2017 của TAND huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

***Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Bị cáo Đ, sinh ngày 06/7/ 1986 tại Kon Tum.

Trú tại: Thôn 2, xã B, huyện T, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông V (Đ) và bà X; Vợ là L, có một con sinh năm 2013; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có bốn anh, em; Tiền án: Ngày 28/5/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2016 đến ngày 21/12/2016 được tại ngoại nay có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo D, sinh ngày 14/2/1982, tại: Kon Tum

Trú tại: Thôn 2, xã B, huyện T, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông B và bà L; Có vợ là D (Đã ly hôn), có một con sinh năm

2011; Gia đình bị cáo có bảy anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 27/7/2011, Thái Ngọc D, Lê Đình Đ, Huỳnh Bá Sang cùng nhau đi lên quán cà phê Sạc Ly thuộc thôn Đắk Rao Lớn, thị trấn Đắk Tô để uống nước. Khi đến quán Đ và D đi vào phòng hát gặp Nguyễn Thanh Tâm, Vũ Khắc Vi, Đỗ Hữu Sang đang hát karaoke. Lúc này, Tâm và Vi có mời Đ uống rượu, nhưng Đ không uống và nói “Tụi bay hát karaoke không uống bia mà uống rượu à?”. Tâm nói “Tụi tao không có điều kiện nên uống rượu”. Sau đó hai bên nảy sinh việc cãi nhau nên Tâm mời Đ và D ra khỏi phòng. Ra đến bụng binh Pô Kô, Đắk Tô D gặp Đ nói mình bị Tâm và nhóm bạn của Tâm xúc phạm nên rủ Đ đi đánh Tâm và nhóm bạn Tâm thì Đ đồng ý. D lái xe chở Đ về hướng nhà D tại khối 10, thị trấn Đắk Tô nhằm kiếm công cụ để đi đánh. Khi đến trụ sở Viễn thông huyện Đắk Tô, D dừng xe đi tìm cây, Đ chạy về nhà D gần đó tìm kiếm công cụ. Khi đi vào bếp, thấy có con dao rựa nên Đ lấy đi luôn, sau đó D chở Đ đến quán để đánh Tâm và bạn Tâm. Đến quán Đ chạy thẳng vào phòng hát chém Tâm khi đang ngồi ghế sát cửa, D vào sau tát Vi hai cái vào mặt. Được mọi người can ngăn nên Đ và D đi ra ngoài bụng binh Pô Kô đứng, khi thấy có người chở Tâm đi bệnh viện D tiếp tục chở Đ đến bệnh viện đòi đánh Tâm tiếp. Nhưng được mọi người can ngăn nên Đ và D đi về. Sau khi gây án Đ bỏ trốn và bị truy nã đến 27/10/2016 thì bị bắt.

Tại bản giám định pháp y số: 106/GĐ-PY ngày 22/8/2011 của phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum kết luận tỉ lệ thương tật của Nguyễn Thanh Tâm là 21% (Tạm thời).

Tại bản cáo trạng số: 08/KSĐT –TA ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô- tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo H và D về tội “*cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 điều 104 Bộ luật hình sự.

Với nội dung trên tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2017/HSST ngày 28/4/2017 của TAND huyện Đắk Tô, Kon Tum đã quyết định :

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đình Đ và D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Đình Đ 25 (Hai mươi lăm) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; Điều 20; Điều 53; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999 và khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo D 16 (Mười sáu) tháng tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08/5/2017 bị cáo D kháng cáo với nội dung: Xin hưởng án treo

- Ngày 12/5/2017 bị cáo D kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 238 đình chỉ việc xét xử đối với bị cáo Lê Đình Đ; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự đề: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D – Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 28/4/2017 của TAND huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên Tòa hôm nay bị cáo Đ đã xin rút đơn kháng cáo của mình, việc rút đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nghĩ nên chấp nhận và đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Đình Đ. Còn bị cáo D giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử. HĐXX xét thấy: Mặc dù không có mâu thuẫn gì với người bị hại mà các bị cáo Đ và D đã vô cớ sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại Nguyễn Thanh Tâm với tỷ lệ thương tật là 21% tạm thời.

Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự, với các tình tiết định khung hình phạt “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chỉ vì xích mích nhỏ về lời nói trước đó mà các bị cáo Đ, D đã sử dụng dao rựa là hung khí nguy hiểm chém vào người anh Nguyễn Thanh Tâm gây thương tích 21% . Hành vi này của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, thể hiện tính côn đồ, hung hãn và coi thường pháp luật đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến đời sống của nhân dân tại địa phương. Do đó, cần phải xét xử các bị cáo một mức án thật nghiêm

khắc tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra cho người bị hại. Nghĩ, nên bắt các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian có như vậy mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục, các bị cáo trở thành công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ, đúng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 là Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và các tình tiết khác ở khoản 2 Điều 46 BLHS cho bị cáo. Bị cáo D cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 47 giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo một mức án dưới khung hình phạt bị truy tố là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Do đó, án sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ và hậu quả của bị cáo gây ra, đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng xử phạt bị cáo D 16 (Mười sáu) tháng tù giam là phù hợp.

Vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Thái Ngọc D. Cần giữ nguyên án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo D không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 238; điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Đình Đ.

Quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Đình Đ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo: D – Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 28/4/2017 của TAND huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum về phần hình phạt đối với bị cáo D.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; Điều 20; Điều 53; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999 và khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015

Xử phạt: Bị cáo D 16 (Mười sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 21; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (25/7/2017).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t.Kon Tum;
- TAND huyện Đắk Tô;
- CA t.Kon Tum;
- CC THADS huyện Đắk Tô;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lang

